

Bản án số: 86/2019/DS-ST

Ngày: 11/10/2019

V/v “tr/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Bá Đức

Ông Trần Châu Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 644/2019/QĐST-DS ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trịnh Thị Q, sinh năm 1964; Trú tại Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(bà Q có văn bản ủy quyền cho ông Ph, sinh năm 1976; Trú tại: khu phố 5, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt)

Bị đơn: Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1974; Trú tại Ấp P, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Thanh L, sinh 1974; Trú tại: Ấp P, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ph trình bày:

Trước đây vào ngày 01/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 04/7/2016 dương lịch) bà Q có cho bà Th vay nhiều lần với số tiền 141.470.000 đồng để làm vốn kinh doanh, việc vay mượn tiền có làm biên nhận, lãi suất 1.5%/tháng, từ lúc vay đến nay phía bà Th không trả lãi, hai bên thỏa thuận khi nào bà Q có nhu cầu thu hồi nợ thì báo trước cho bà Th. Nhưng khi bà Q cần thu hồi vốn đã báo trước cho bà Th và đòi rất nhiều lần nhưng vẫn không trả. Mục đích bà Th vay tiền là để trang trải kinh tế chung trong gia đình, nên nay yêu cầu bà Th cùng ông L liên đới trả cho bà Q số tiền 141.470.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/7/2016 đến ngày 04/10/2019, mức lãi suất 0.83%/tháng, với tổng số tiền lãi 45.793.839 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh L vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Th, ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà bà Q số tiền 187.263.839 đồng (trong đó vốn gốc 141.470.000 đồng, lãi suất 45.793.839 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Bà Q cho rằng quyền lợi của bà bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà Th, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Q có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của bà Q là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Định, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Lê Thị Thanh Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Thanh L đã được triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

*** Về nội dung giải quyết vụ án:**

[1] Giao dịch vay tiền giữa các bên phía đại diện nguyên đơn cho rằng bị đơn bà Th có viết biên nhận nợ vào ngày 01/6/2016 âm lịch (bút lục số 09) với nội dung bà Th mượn của bà Q số tiền 141. 470.000 đồng, nội dung của biên nhận nợ này không có người làm chứng, không được công chứng chứng thực tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Th không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến của bà Th liên quan đến nội dung của biên nhận nợ ngày 01/6/2016 có phải do bà Th viết và ký tên hay không, nên chưa có đủ cơ sở để kết luận biên nhận nợ được thể hiện trong tờ giấy tập học sinh (bút lục 09) có phải do bà Th viết và ký tên hay không.

[2] Quá trình giải quyết nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định đối với chữ viết và chữ ký của bà Th trong tờ giấy tập học sinh mà nguyên đơn đã giao nộp (bút lục 09) và đề nghị thu thập mẫu so sánh đối với chữ ký tên và họ tên của bà Th trong biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện M ngày 09/7/2018 mà Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý số 154 ngày 05/6/2018 về việc tranh chấp giữa bà Trịnh Thị Q với bà Lê Thị Thanh Th để làm cơ sở giám định. Tại bản kết luận giám định số 219 ngày 21/8/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận chữ ký tên và chữ viết họ và tên Lê Thị Thanh Th trong biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện M ngày 09/7/2018 mà Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý số 154 ngày 05/6/2018 về việc tranh chấp giữa bà Trịnh Thị Q với bà Lê Thị Thanh Th với chữ viết trong tờ giấy tập học sinh mà nguyên đơn đã giao nộp (bút lục 09) do một người cùng ký ra. Do đó bị đơn Lê Thị Thanh Th có vay số tiền 141. 470.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, nên được chấp nhận. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Đối với nghĩa vụ liên đới của ông L: Hội đồng xét xử thấy rằng bà Q chỉ thỏa thuận giao dịch với cá nhân bà Th, nội dung của tờ giấy tập học sinh nguyên đơn giao nộp (bút lục 09) không thể hiện mục đích bà Th vay tiền để làm gì, quá trình tố tụng nguyên đơn không chứng minh được theo yêu cầu của Tòa án, nên không có cơ sở để buộc ông L có trách nhiệm cùng bà Th trong giao dịch trên. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung này không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Đối với những nội dung còn lại phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Chi phí giám định 600.000 đồng. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu và có trách nhiệm hoàn lại cho bà Q và chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Trịnh Thị Q. Buộc bà Lê Thị Thanh Th trả cho bà Q số tiền vốn gốc 141.470.000 đồng và tiền lãi suất 45.793.839 đồng, tổng cộng 187.263.839 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi chín đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của bà Q về việc buộc ông Đoàn Thanh L liên đới cùng bà Lê Thị Thanh Th trả cho bà Q số tiền 187.263.839 đồng.

Chi phí giám định 600.000 đồng bà Th chịu. Do bà Q đã tạm ứng nộp xong, nên bà Th phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Q.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Q, nếu bà Th chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Th chịu 9.363.000 đồng. Hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí 5.022.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0021960 ngày 15/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong